



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: 194 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 39144.290 – Fax: (84-8) 39142.295 | www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Thông điệp của Hội đồng quản trị	3
Thông tin chung	4
Quá trình phát triển	4
Ngành nghề kinh doanh	6
Định hướng phát triển	6
Tổ chức và nhân sự	9
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	13
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	16
Báo cáo Tài chính đã kiểm toán 2012	22
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	28
Thông tin cổ đông	46

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Tôi xin gửi đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan và cán bộ công nhân viên Công ty lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự hỗ trợ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và bất ổn đối với thị trường chứng khoán trong nước, do phải hứng chịu nhiều thông tin tiêu cực gây chấn động, làm suy giảm nghiêm trọng niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường. Xu hướng vận động của thị trường cũng trở nên khó lường gây khó khăn không ít cho công tác phân tích và dự báo thị trường, và điều đó cũng khiến cho hoạt động của đa số các công ty chứng khoán gặp nhiều bất lợi.

Với những diễn biến tiêu cực kéo dài của thị trường chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã nỗ lực hết mình, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của cổ đông giao, quản trị công ty hoạt động ổn định, cơ cấu lại tổ chức nhân sự, tổ chức mạng lưới, lãnh đạo công ty theo định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty. Dù đã cố gắng hết mức nhưng kết quả hoạt động của Công ty vẫn chưa đạt được kế hoạch theo dự kiến đầu năm.

Năm 2013 dự báo tình hình thị trường sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Tình hình kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Trước bối cảnh đó Hội Đồng Quản Trị định hướng trọng tâm năm 2013 là quản trị ổn định hoạt động Công ty, rà soát đánh giá và phát triển những phòng ban, những bộ phận có tiềm năng phát triển, hoạt động hiệu quả, thu hẹp và tiến tới cắt giảm những hoạt động không thực sự mang lại hiệu quả cho Công ty; phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động nhằm giảm thiểu các thiệt hại có thể phát sinh,...

Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan, Ban Tổng Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ có những chuyển biến tốt hơn để đáp ứng kỳ vọng của Quý Cổ đông.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**
- Tên tiếng Anh: **ORIENT SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **ORS**

- Logo của Công ty: 
- Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 39144.290 Fax: (84.8) 39142.295
- Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn
- Cơ sở pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2006.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12 /2006.
 - Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 53/GCNTVLK do Trung tâm Lưu Ký Chứng Khoán cấp ngày 08/02/2007.
 - Quyết định số 48/QĐ-TTGDHCM ngày 14/05/2007 của Giám đốc Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận thành viên Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp.HCM.
 - Quyết định số 194/QĐ-TTGDHN ngày 15/08/2007 của Giám đốc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
- Lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chung khoán, Lưu ký chứng khoán.
- Vốn điều lệ: **240.000.000.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng).
- Mã số thuế: 0304814339

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình phát triển

2006-2012

2006

- 12/2006 Nhận Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp
- Nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/2UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do UBCKNN cấp

2007

- 02/2007 Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán
- 05/2007 Trở thành Thành viên Trung tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM và Hà Nội
- 09/2007 Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh tại Hà Nội
- 12/2007 Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng

2008

- 01/2008 Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa
- 02/2008 Thành lập Phòng Giao dịch Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến

2009

- 09/2009 Nâng cấp Phòng Giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình

2010

- 01/2010 Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa
- 04/2010 Thành lập Chi nhánh Hà Nội
- 06/2010 Thành lập Phòng Giao dịch Thành Công
- 07/2010 Niêm yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
- 08/2010 Thành lập Chi nhánh Gia Định
- 10/2010 Đổi tên Phòng Giao dịch Thành Công thành Phòng Giao dịch Bến Thành
- 12/2010 Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai

2011

- 07/2011 Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở
- 10/2011 Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở

2012

- 4/2012: Chuyển Chi nhánh Đồng Nai về Hội sở
- 8/2012: Chuyển Phòng Giao dịch Bến Thành về Hội sở

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính:

ORS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư;
- Lưu ký chứng khoán.

Khách hàng của ORS rất đa dạng, bao gồm các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính - ngân hàng.

Kết quả hoạt động kinh doanh chính:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	19.772	24,31	6.001	4,64	1.941	9,57
2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	7.527	9,25	7.133	5,51	4.714	23,23
3	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	550	0,68	604	0,47	-	-
4	Doanh thu hoạt động tư vấn	970	1,19	772	0,6	656	3,24
5	Doanh thu lưu ký chứng khoán					204	1,01
6	Doanh thu khác	52.511	64,57	114.871	88,78	12.774	62,96
	<i>Trong đó: Doanh thu hoàn nhập dự phòng</i>	19.772	24,31	6.001	4,62	-	-
	Tổng cộng	81.329	100	129.380	100	20.290	100

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán ORS)

Ghi chú: Trong năm 2010 và 2011, khoản hoàn nhập dự phòng được ghi nhận là doanh thu khác. Tuy nhiên, trong năm 2012, hoàn nhập dự phòng ghi nhận giảm chi phí. Do vậy trong doanh thu khác không có khoản hoàn nhập dự phòng.

3. Định hướng phát triển

Tầm nhìn của ORS

Với định hướng đầy mạnh phát triển dịch vụ môi giới, từng bước xây dựng và phát triển hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp theo hướng ngân hàng đầu tư, các dịch vụ khác đóng vai trò hỗ trợ, ORS sẽ phấn đấu nằm trong 20 công ty chứng khoán có thị phần giá trị giao dịch lớn nhất Việt Nam vào năm 2015.

Sứ mệnh của ORS

Thực hiện các dịch vụ tài chính và chứng khoán, trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán một cách hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, người lao động và phục vụ cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

- Đối với cổ đông: ORS nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận đã đề ra, nâng cao vị thế của ORS trên thị trường nhằm gia tăng giá trị cổ phiếu của các cổ đông, thực hiện các chính sách phân phối lợi nhuận một cách hợp lý dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với khách hàng: ORS cung cấp các dịch vụ tốt nhất dựa trên chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, nền tảng công nghệ hiện đại với nhiều tính năng thích hợp, tư vấn đầu tư hiệu quả và đặc biệt là sự gia tăng lợi ích thông qua việc cung cấp cho khách hàng những sản phẩm mới.
- Đối với người lao động: ORS cam kết tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo những lợi ích chính đáng của tập thể cán bộ nhân viên, gắn lợi ích của Công ty gắn với lợi ích của tập thể cán bộ nhân viên, thực hiện những chính sách thích hợp để phát triển nguồn nhân lực.

Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi của ORS được xây dựng dựa trên thành công khách hàng. Chúng tôi thực hiện cung cấp các dịch vụ chứng khoán một cách chuyên nghiệp và có chất lượng cao dựa trên các nền tảng cơ bản sau:

- Coi trọng khách hàng : xem thành công của khách hàng là thành công của ORS.
- Uy tín : uy tín là nền tảng cho giá trị cốt lõi tạo dựng sự thành công và tích lũy những giá trị bền vững.
- Sáng tạo : học hỏi, đúc kết từ những kinh nghiệm của bản thân và đối thủ, tạo ra sản phẩm dịch vụ đa dạng, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Chuyên nghiệp : đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên cao, làm việc chuyên nghiệp, phục vụ tận tụy vì lợi ích của khách hàng.
- Hiệu quả : tất cả các hoạt động của chúng tôi nhằm mang lại hiệu quả và giá trị cao nhất cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

Mục tiêu chủ yếu

- Là một trong 20 công ty chứng khoán có thị phần môi giới bán lẻ lớn nhất tại Việt Nam.
- Là công ty có chất lượng tư vấn đầu tư tốt nhất tại Việt Nam.
- Là công ty có sản phẩm phân tích có chất lượng cao và có uy tín trên thị trường.
- Là công ty chứng khoán luôn đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới.

Một số biện pháp để thực hiện mục tiêu

Tái cơ cấu nguồn nhân lực:

- Rà soát, đánh giá lại tình hình nhân sự trên phạm vi toàn Công ty dựa trên hiệu quả công việc, năng lực làm việc của nguồn nhân lực, đưa ra kế hoạch sắp xếp lại và tuyển dụng mới nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Xây dựng các chương trình tuyển dụng, đào tạo nhân sự cần bám sát định hướng phát triển dịch vụ môi giới chứng khoán của ORS. Tập trung phát triển các kỹ năng cần thiết như: Chăm sóc khách hàng, thuyết phục khách hàng, tư vấn đầu tư, phân tích.
- Xây dựng các chính sách lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ hợp lý nhằm duy trì và phát triển nguồn nhân lực.

Giải pháp cơ sở hạ tầng và mạng lưới hoạt động

- Đầu tư trang thiết bị hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc thuận tiện cho cán bộ nhân viên, đảm bảo tiện nghi cho khách hàng khi tham gia giao dịch.
- Phát triển hệ thống thông tin, tin học hóa tối đa các công việc nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí đồng thời hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Giải pháp về tài chính

Khai thác triệt để các lợi thế sẵn có từ các cổ đông sáng lập, các cổ đông lớn; thiết lập và phát triển tốt mối quan hệ với các ngân hàng, các tổ chức tài chính nhằm đảm bảo khả năng huy động vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

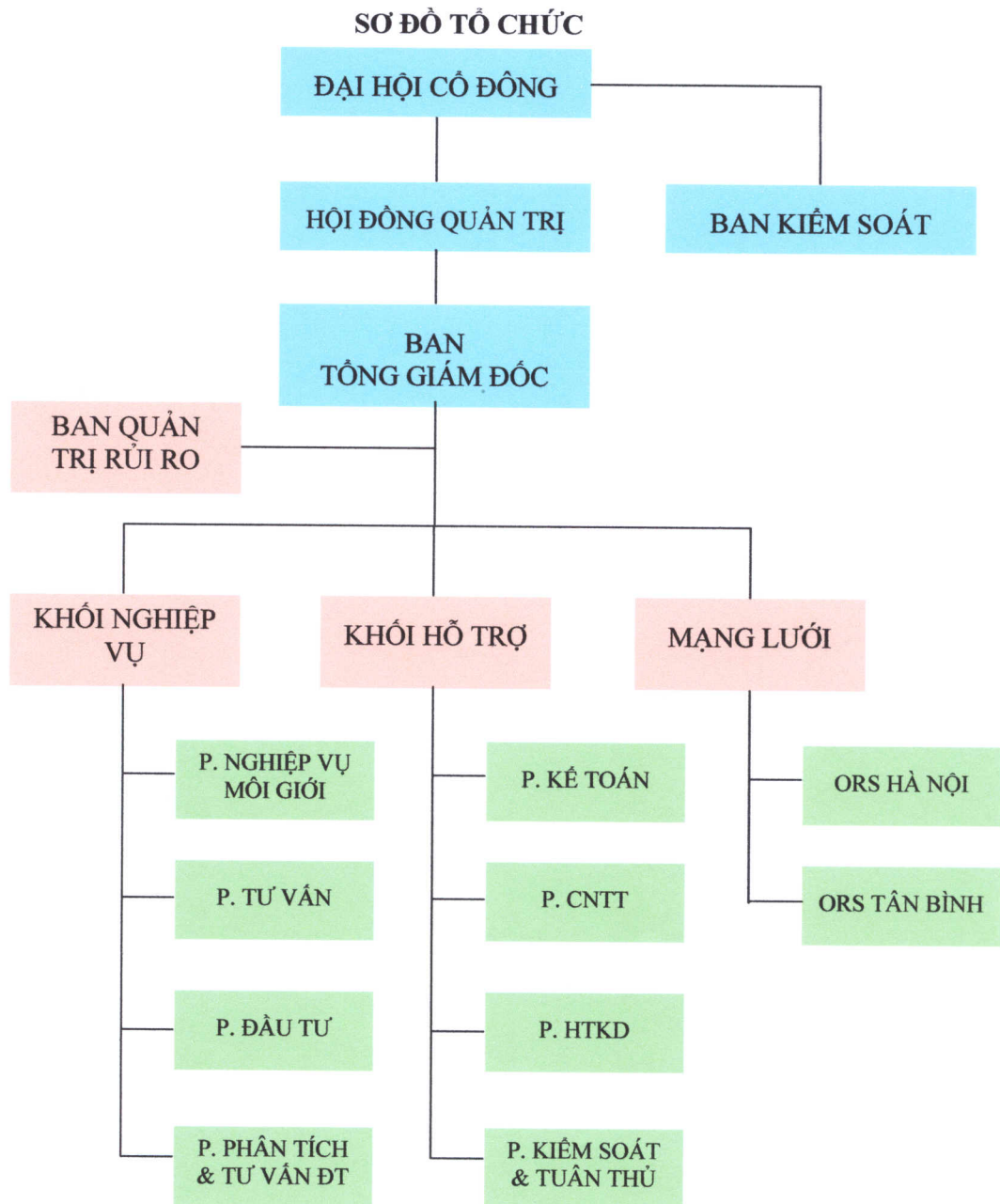
Giải pháp về đầu tư

Mảng đầu tư của Công ty được xem xét là một công cụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của ORS, vừa đảm bảo sinh lời, đồng thời hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, hoạt động Môi giới cùng phát triển. Điều này chỉ có thể thực hiện tốt khi thiết lập được quy trình phối hợp chặt chẽ giữa các mảng này, đồng thời phải có những nhân sự đủ tâm, đủ tầm để phối hợp cùng thực hiện.

Giải pháp về kiểm soát rủi ro

Vấn đề kiểm soát rủi ro cần được thực hiện một cách nghiêm túc, dựa trên các quy trình nghiệp vụ đã, đang và sẽ được ban hành. Công tác rà soát và kiểm soát rủi ro sẽ do Phòng Quản trị Rủi ro đảm nhiệm, thực hiện định kỳ hoặc đột xuất, vừa đảm bảo việc kiểm soát tốt các hoạt động của Công ty vừa đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ORS.

III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- a) **Ông Phạm Linh** – Chủ tịch HĐQT hiện là Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Là tiến sĩ Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Preston – USA. Ông đã có 4 năm trong vai trò là Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam như: Giám Đốc VIB Nha Trang, Quận 2; Phó Giám Đốc Chi nhánh Tp. HCM; Giám Đốc Kinh doanh khách hàng Doanh nghiệp; Trưởng Bộ phận Quản lý Tín dụng Chi nhánh Tp. HCM Ngân hàng United Overseas Bank. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh Chủ tịch HĐQT.

- b) **Ông Lâm Đạo Thảo** – Thành viên Thường trực HĐQT

Với 20 năm kinh nghiệm quản lý, Ông Lâm Đạo Thảo đã từng nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các doanh nghiệp như Phó Chủ tịch thứ nhất kiêm Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Nam Á, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên thường trực HĐQT.

- c) **Ông Võ Quang Long** – Thành viên Thường trực HĐQT

Ông Võ Quang Long đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ ACB và Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà. Hiện tại, Ông Long đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên Thường trực HĐQT.

- d) **Ông Tê Trí Dũng** – Thành viên HĐQT

Tốt nghiệp chương trình đào tạo 300 Tiến sĩ – Thạc sĩ của thành phố Hồ Chí Minh, Ông Tê Trí Dũng hiện nay đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Bến Thành. Đại diện Benthanch Group, Ông Dũng tham gia HĐQT ORS với tư cách thành viên HĐQT.

- e) **Ông Tạ Phước Đạt** – Thành viên HĐQT

Ông Tạ Phước Đạt đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Hiện nay Ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico). Ông Đạt đại diện cho Savico tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên HĐQT.

Thay đổi thành viên HĐQT:

Ngày 03/5/2012, HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã thông qua Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐQT về việc chấp thuận đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT và xin rút tên ra khỏi danh sách HĐQT ORS của Bà Trần Thị Hải Yến. Cũng theo Nghị quyết này, Ông Phạm Linh – Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông – người đại diện vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông sẽ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT tại ORS kể từ ngày 04/5/2012.

2. Ban Kiểm soát

a) Ông Nguyễn Trát Minh Phương – Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trát Minh Phương tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Tp. HCM. Với 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, Ông được xem là người có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò Kế toán trưởng tại Công ty Phước Thịnh và Anpha T&M Express. Hiện Ông đang giữ vị trí Trưởng ban Kiểm soát ORS.

b) Ông Nguyễn Văn Phẩm – Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Tp. HCM cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán Ông Nguyễn Văn Phẩm đã từng giữ vị trí Kế toán trưởng tại nhiều doanh nghiệp. Hiện nay Ông là Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành và giữ vị trí thành viên Ban Kiểm soát tại ORS.

c) Bà Trần Thị Kim Ánh – Thành viên Ban Kiểm soát

Với gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, Bà Trần Thị Kim Ánh đã từng giữ các vị trí Phó Giám Đốc tại nhiều doanh nghiệp. Hiện nay Bà là Phó Giám Đốc Công ty Lạc Phương Nam và giữ vị trí thành viên Ban Kiểm soát tại ORS.

3. Ban Điều hành

Ông Trần Xuân Nam – Tổng Giám Đốc

Tốt nghiệp khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Ông Nam đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, Ông đã từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Hiện Ông đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc ORS.

Thay đổi Ban Điều hành:

Trong năm 2012, ORS có thay đổi Tổng Giám Đốc điều hành như sau:

- Ngày 05/01/2012, Ông Lâm Đạo Thảo được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Tổng Giám Đốc thay thế Bà Vũ Hồng Hạnh, nguyên Tổng Giám Đốc, hết nhiệm kỳ.

- Theo Quyết định số 14/2012/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2012, HĐQT ORS đã quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc đối với Ông Võ Quốc Dũng.
- Theo Quyết định số 24/2012/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2012, HĐQT ORS đã quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc đối với Ông Thái Trí Hùng.
- Ngày 15/11/2012: Ông Trần Xuân Nam được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc thay thế Ông Lâm Đạo Thảo, nguyên Quyền Tổng Giám Đốc.

Thay đổi Kế toán trưởng:

- Ngày 22/02/2012, HĐQT ORS đã miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Quy theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT, hiệu lực từ ngày 01/03/2012
- Theo Quyết định số 20/2012/QĐ-HĐQT ngày 30/08/2012, HĐQT ORS đã bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng, hiệu lực từ ngày 01/09/2012.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2012 tổng số lao động của ORS là 51 người, với cơ cấu lao động như sau:

Cơ cấu lao động	SL lao động 31/12/2012	Tỷ trọng
Tổng số lao động	51	100%
Trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	36	71%
Cao đẳng, trung học, lao động phổ thông	15	29%
Giới tính		
Lao động nam	25	49%
Lao động nữ	26	51%
Độ tuổi		
Lao động trên 30 tuổi	23	45%
Lao động dưới 30 tuổi	28	55%

5. Chính sách đối với người lao động:

Mặc dù trong năm 2012, tình hình kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán diễn tiến không thuận lợi, nhưng nhờ vào việc áp dụng chính sách nhân sự phù hợp mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông vẫn duy trì được đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, có tâm huyết và cam kết gắn bó lâu dài đối với Công ty.

Ngoài chế độ bảo hiểm, lương, thưởng phù hợp, chúng tôi còn tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, các hoạt động đội nhóm luôn được quan tâm, tổ chức đều đặn hàng năm để nâng cao tinh thần đoàn kết, kích thích tinh thần làm việc hăng say của toàn thể cán bộ công nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ORS.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động năm 2012

▪ Tình hình nhân sự của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, bà Trần Thị Hải Yến – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị của ORS đã đến tuổi nghỉ hưu, do vậy Hội đồng quản trị đã họp và đề cử ông Phạm Linh – Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) thay thế bà Trần Thị Hải Yến, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐQT ngày 03/05/2012.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị hiện tại của ORS hiện tại như sau:

1. Ông Phạm Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Lâm Đạo Thảo – Thành viên (Thường trực Hội đồng quản trị)
3. Ông Võ Quang Long – Thành viên (Thường trực Hội đồng quản trị)
4. Ông Tạ Phước Đạt – Thành viên
5. Ông Tề Trí Dũng – Thành viên

Theo quy định tại Khoản 6 – Điều 29 – Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông quy định “Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay tiếp sau đó”. Như vậy, để ông Phạm Linh chính thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của ORS sẽ lấy ý kiến để thông qua vấn đề này.

▪ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 phiên họp thường kỳ để xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, liên quan đến tổ chức quản trị và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành các nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau:

- Đề cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thay thế Nguyên Chủ tịch đã đến tuổi hưu.
- Đóng cửa hoạt động Chi nhánh Đồng Nai, Hà Nội, Tân Bình và Phòng Giao dịch Bến Thành.
- Chọn Công ty kiểm toán Đất Việt là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.
- Tuyển dụng và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc Công ty.
- Thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị.

Trong năm 2012, từng thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động Công ty theo đúng định hướng phát triển và chỉ tiêu kinh doanh do Đại Hội Đồng Cổ Đông giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% TH/KH
Doanh thu	28.800	20.289	70,45%
Lợi nhuận sau thuế	7.200	366	5,08%

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, trong tổng số 105 công ty chứng khoán đang hoạt động thì có đến trên 50% số công ty chứng khoán bị thua lỗ và trên 70% công ty chứng khoán có lỗ lũy kế, 11 công ty chứng khoán bị đưa vào kiểm soát đặc biệt và một số công ty đã thực hiện rút nghiệp vụ môi giới... Trong điều kiện thị trường vô cùng khó khăn như vậy, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành tập trung vào việc tái cơ cấu theo hướng thu hẹp các hoạt động kém hiệu quả, triệt để tiết kiệm chi phí. Những biện pháp này đã giúp cho ORS có lợi nhuận 366 triệu đồng trong năm 2012.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Với dự báo trong năm 2012, thị trường chứng khoán tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đã thực hiện bố trí sắp xếp lại nhân sự, cắt giảm lao động dôi dư, đóng cửa Chi nhánh Tân Bình, Chi nhánh Hà Nội. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị ORS chỉ đạo cụ thể trong việc đôn đốc thu hồi công nợ. Kết quả của quá trình tái cấu trúc làm số lượng nhân sự của ORS giảm từ 78 người từ đầu năm xuống còn 51 người (tính đến 31/12/2012) và hiện nay xuống còn 45 người.

Trong năm 2012, ORS tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn thách thức, một số nhân sự cấp cao của ORS xin nghỉ việc, một thành viên thường trực Hội đồng quản trị đồng thời phải kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc. Do vậy, phương châm hoạt động của ORS trong giai đoạn này là duy trì, giảm thiểu các hoạt động có thể làm phát sinh rủi ro cho ORS, tập trung rà soát và xây dựng lại các quy trình, quy chế hoạt động các phòng ban. Điều này một mặt làm giảm chi phí, giảm các nguy cơ phát sinh rủi ro trong hoạt động của Công ty, mặt khác cũng tác động nhất định đến việc thực hiện kế hoạch doanh thu của ORS.

Cuối năm 2012, Hội đồng quản trị đã hoàn thành việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc mới cho ORS, cùng với Ban Điều hành Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh và đề ra mục tiêu chiến lược phát triển cho ORS trong những năm sắp tới.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Theo đánh giá của các chuyên gia, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được coi là khá tiềm năng, tổng giá trị vốn hóa thị trường mới chiếm khoảng 20% GDP (khá nhỏ so với thị trường chứng khoán của các nước phát triển). Ngoài ra, với chủ trương vực dậy thị trường chứng khoán trong thời gian sắp tới của Chính phủ và cơ quan quản lý Nhà nước thông qua tái cấu trúc thị trường chứng khoán dự kiến sẽ mở ra nhiều cơ hội mới đối với các công ty chứng khoán nói chung và ORS nói riêng.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn như: tình hình nợ xấu của nền kinh tế, chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm kiềm chế lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực hiện sẽ tiếp tục làm hạn chế dòng tiền đổ vào chứng khoán trong thời gian tới; một số quỹ đầu tư dạng đóng sẽ hết hiệu lực hoạt động trong thời gian tới, sự khó khăn của thị trường bất động sản sẽ dự báo còn tiếp tục,...

Trong năm 2013 và những năm sắp tới, ORS tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển ORS theo hướng là đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi giới, từng bước xây dựng và phát triển hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp theo hướng Ngân hàng đầu tư, các dịch vụ khác đóng vai trò hỗ trợ, ORS sẽ phân đầu năm trong 20 công ty chứng khoán có thị phần giá trị giao dịch lớn nhất Việt Nam vào năm 2015. Công ty tập trung hỗ trợ mạnh về vốn, hỗ trợ mạnh mảng tư vấn đầu tư phục vụ cho hoạt động môi giới phát triển nhằm mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty; từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ Tư vấn Tài chính doanh nghiệp theo hướng Ngân hàng đầu tư (IB) để có thể thực hiện các dự án có hàm lượng chất xám cao, các hoạt động khác của Công ty như: Hoạt động phân tích, tự doanh chứng khoán sẽ đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động môi giới và hoạt động IB phát triển.

5. Báo cáo Ban Kiểm soát:

a) Thành viên Ban Kiểm soát:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng ban	18/05/2011
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	18/05/2011
Bà Trần Thị Kim Ánh	Thành viên	18/05/2011

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2012 các thành viên Ban Kiểm soát đã tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số hoạt động của công ty như sau:

- Tham gia giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành và Bộ máy quản lý của Công ty để giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Tham gia cùng với HĐQT và Ban Điều hành trong việc lựa chọn công ty kiểm toán cáo tài chính năm 2012.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu 6 tháng, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012, báo cáo kiểm toán vốn khả dụng 6 tháng, báo cáo vốn khả dụng năm 2012 và báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo.
- Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.
- Tham gia xây dựng lại Quy chế tài chính Công ty.

c) Giao dịch, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- Giao dịch cổ phiếu nội bộ : không có
- Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: do Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm quyết định. Căn cứ vào nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2012 thù lao được duyệt như sau:

Thù lao	Kế hoạch (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)
Hội đồng quản trị	350.000.000	258.666.667
Ban kiểm soát	100.000.000	60.000.000

V. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh chung

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng (giảm) so với 2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	129.380.352.411	20.289.670.245	- 84,32%
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.000.841.322	1.940.880.061	-67,66%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn	7.132.983.580	4.713.897.527	-33,91%
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	603.664.209	0	-100,00%
- Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	771.513.416	656.439.727	-14,92%
-Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	0	203.970.523	
- Doanh thu khác	114.871.349.884	12.774.482.407	-88,88%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.568.561	627.097	-86,27%
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	129.375.783.850	20.289.043.148	-84,32%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	132.071.088.589	(291.580.409)	
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	(2.695.304.739)	20.580.623.557	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.060.297.731	20.362.875.352	-32,26%
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(32.755.602.470)	217.748.205	
8. Thu nhập khác	123.389.282	150.110.931	21,66%
9. Chi phí khác	21.012.109	1.400.889	-93,33%
10. Lợi nhuận khác	102.377.173	148.710.042	45,26%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(32.653.225.297)	366.458.247	
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành			
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại			
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(32.653.225.297)	366.458.247	
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.361)	15,27	

(Nguồn: báo cáo kiểm toán ORS)

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, diễn biến thị trường chứng khoán trong nước còn nhiều bất ổn và biến động khó lường. Trong năm 2012, Ban Điều hành cùng toàn thể nhân viên ORS đã tích cực và chủ động trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh được giao để đối phó với những diễn biến phức tạp của thị trường, tích cực hỗ trợ và tăng cường phát triển các dịch vụ và hoạt động mang lại hiệu quả cao, đồng thời thu hẹp hạn chế những hoạt động kém hiệu quả và có tính rủi ro cao nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc thua lỗ.

Kết thúc năm tài chính 2012, doanh thu thuần của ORS đạt 20,2 tỷ đồng, bằng 70,45% so với kế hoạch và giảm 84,32% so với thực hiện năm 2011. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 366 triệu đồng, bằng 5,08% so với kế hoạch và so với mức lỗ hơn 32 tỷ đồng trong năm 2011 thì kết quả kinh doanh của Công ty cũng đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực.

Nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ của Công ty không đạt kế hoạch đề ra là do diễn biến thị trường chứng khoán không thuận lợi, tình hình nhân sự cấp cao của Công ty có nhiều thay đổi, hoạt động kinh doanh trong điều kiện thiếu ổn định. Hơn nữa, tình hình cạnh tranh trên thị trường cũng ngày càng trở nên khắt nghiệt hơn, đa số các mảng dịch vụ mang lại doanh thu chính của Công ty đều sụt giảm mạnh trong năm 2012, điển hình như doanh thu môi giới giảm 67,6%,

doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn giảm 33,9%, doanh thu tư vấn giảm 14,9% và doanh thu khác giảm 88,8%.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% TH/KH
Doanh thu	28.800	20.289	70,45%
Lợi nhuận sau thuế	7.200	366	5,08%

(Nguồn: báo cáo kiểm toán ORS)

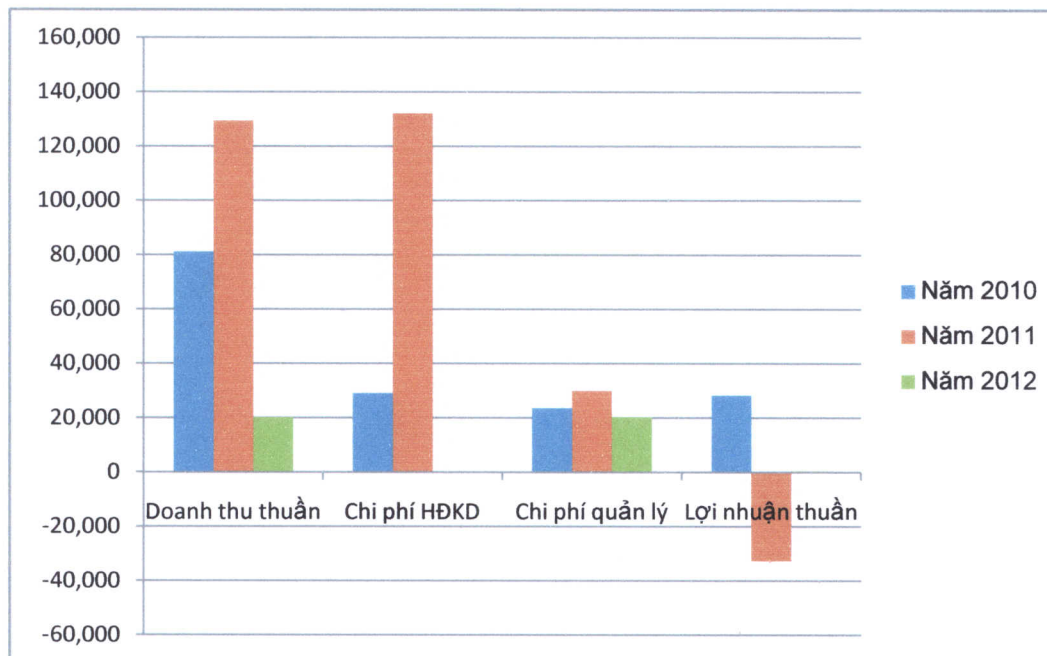
Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	81.130	129.375	20.289
Chi phí HĐKD	29.093	132.071	(291)
Chi phí quản lý	23.612	30.060	20.362
Lợi nhuận thuần	28.319	(32.653)	366

(Nguồn: báo cáo kiểm toán ORS)

Biểu đồ Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận qua các năm



Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	6,77%	13,88%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	93,23%	86,12%
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	85,63%	71,69%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	14,37%	28,24%
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,09	1,20
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,09	1,20
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-2,38%	0,05%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-25,24%	1,81%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-16,55%	0,19%

(Nguồn: báo cáo kiểm toán ORS)

Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu

Tính đến thời điểm 31/12/2012 Giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông là: 8.235 đồng/cổ phiếu.

Những thay đổi về vốn góp trong năm

Trong năm 2012 Công ty không có sự thay đổi trong cơ cấu vốn cổ đông và cũng không phát hành trái phiếu, số cổ phiếu lưu hành vẫn giữ nguyên như đầu năm.

Danh mục	Đơn vị tính	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu thường		24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành	cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Cổ phiếu quỹ	cổ phiếu	0	0
Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	0	0
Trái phiếu	trái phiếu	0	0

3. Các hoạt động nghiệp vụ và những tiến bộ đạt được

Hoạt động môi giới:

Thị trường chứng khoán suy giảm kéo theo thanh khoản của toàn thị trường sụt giảm nghiêm trọng, hoạt động môi giới của ORS vì thế đã không đạt được kết quả như kỳ vọng. Năm 2012, doanh thu môi giới toàn Công ty đạt hơn 1,9 tỷ đồng, bằng 31,6 % so với năm 2011. Số lượng tài khoản khách hàng đến cuối năm 2012 đạt 9.056 tài khoản, tăng 3,8% so với cuối năm 2011.

Doanh thu môi giới toàn Công ty năm 2012 giảm mạnh do các nguyên nhân sau:

- Tình hình thị trường chung biến động không thuận lợi, các thông tin bất lợi liên quan đến giới tài chính ngân hàng làm giảm sút niềm tin của nhà đầu tư, tất yếu thị trường chứng khoán cũng giảm mạnh cả về điểm số và thanh khoản,
- Công ty tiếp tục gặp nhiều bất lợi do các thông tin liên quan đến các vấn đề phát sinh trong năm 2011, lỗ lũy kế đến thời điểm hiện tại hơn 93 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động của công ty tình giảm v/v...phần nào cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư, khách hàng, tổ chức khi mở tài khoản mới và giao dịch tại công ty,
- Hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng của môi giới của Công ty cũng sụt giảm khi Công ty điều chỉnh chiến lược phát triển giảm nguồn vốn cho hoạt động này. Bên cạnh đó, Công ty cũng thu hẹp danh mục cổ phiếu hỗ trợ, thực hiện đúng theo các chính sách, hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để giảm rủi ro phát sinh. Hoạt động này giảm đã làm cho doanh số và thị phần môi giới của ORS giảm theo.

Hoạt động tự doanh:

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và bất ổn đối với thị trường chứng khoán trong nước, do phải hứng chịu nhiều thông tin tiêu cực gây chấn động lớn, làm suy giảm nghiêm trọng niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường. Xu hướng vận động của thị trường cũng trở nên khó lường gây khó khăn không ít cho công tác phân tích và dự báo thị trường để đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả, và điều đó cũng khiến cho hoạt động tự doanh của đa số các công ty chứng khoán cũng gặp nhiều bất lợi. Tuy nhiên, do Công ty sớm dự báo được những rủi ro còn tiềm ẩn trong năm 2012 cũng như tiếp tục thực hiện định hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư, nên đã có sự điều chỉnh phù hợp, đầu tư thận trọng, đồng thời thực hiện chiến lược đầu tư chủ động nhằm tranh thủ các cơ hội phục hồi và đối phó với những biến động bất thường của thị trường. Kết quả trong năm qua, hoạt động tự doanh cũng đã có hiệu quả và đóng góp một phần vào việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận chung của toàn Công ty.

Hoạt động tư vấn:

Cũng như đa số các công ty chứng khoán có cùng quy mô trên thị trường, năm 2012 là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn của ORS. Thị trường chứng khoán không thuận lợi, dẫn đến nhu cầu tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết hầu như không phát sinh, một số hợp đồng đã ký kết hầu như khách hàng đã ngưng thực hiện. Một số nghiệp vụ bao gồm: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành của ORS vẫn chưa được phép thực hiện do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.

Các hoạt động khác:

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động hỗ trợ của Công ty cũng được tập trung thực hiện trong năm 2012, cụ thể như sau:

a. Công tác nhân sự đào tạo

Thị trường chứng khoán trong nước năm qua chứng kiến sự suy giảm trầm trọng cả về thanh khoản lẫn điểm số, trước tình hình đó, ORS đã linh động điều chỉnh mô hình kinh doanh theo hướng giảm dần quy mô tập trung nguồn lực phát triển theo chiều sâu. Xác định yếu tố con người cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển kinh doanh của tổ chức. Do tình hình thị trường chuyển biến theo chiều hướng bất lợi, Công ty đã tiến hành chủ trương tái cơ cấu lại hệ thống nhân sự theo hướng

tinh gọn. Tính đến ngày 31/12/2012 tổng số nhân viên của ORS là 51 người, giảm gần 35% so với đầu năm. Để việc cắt giảm không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, ORS đã tiến hành tinh chỉnh lại các quy trình nghiệp vụ để phù hợp hơn với tình hình mới. Ngoài ra, công tác nhân sự đã có những chuyển biến rõ nét trong việc xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, chuyên nghiệp, tạo tâm lý gắn bó và cống hiến cho nhân viên ORS.

b. Phát triển công nghệ

Với tình hình kinh doanh rất khó khăn trong năm 2012 vừa qua, Công ty không thực hiện đầu tư hạ tầng hệ thống mà chỉ tập trung cho việc nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống phần mềm nội bộ. Các dự án đã triển khai:

- Phối hợp cùng phía đối tác tinh chỉnh và nâng cấp Hệ thống Giao Dịch Trực Tuyến để cung cấp thêm chức năng thu phí lưu ký chứng khoán, giúp Công ty giảm thất thoát tài chính so với các năm trước.
- Chỉnh sửa, nâng cấp website ORS với giao diện mới, đơn giản và chuyên nghiệp hóa nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, người duyệt web.
- Xây dựng và triển khai chính thức Hệ thống Quản lý Nhân sự giúp bộ phận Nhân sự và Ban Tổng Giám Đốc có cái nhìn tổng thể về bộ máy nhân sự của Công ty; tiết kiệm chi phí về nhân sự cho việc quản lý nhân sự; tham khảo nhanh về tình trạng nhân sự của Công ty; dễ dàng nhìn nhận được điểm mạnh/yếu trong các phòng ban từ đó điều chỉnh nhân sự cho phù hợp với trình độ, chức năng, đúng người đúng việc.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống Quản lý Tài liệu giúp Công ty quản lý tập trung, phân loại, tìm kiếm, lưu trữ tài liệu một cách toàn diện.
- Bổ sung thêm các báo cáo Quản trị Rủi ro về Chứng khoán trên hệ thống OMIS làm giảm thiểu rủi ro về tài chính của Công ty ở mức thấp nhất.

c. Mạng lưới:

Công ty đã chủ động tiến hành thu hẹp mạng lưới chi nhánh nhằm cắt giảm chi phí, tinh gọn nhân sự, đóng cửa các điểm giao dịch không mang lại hiệu quả và tập trung phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ tại trụ sở chính. Như vậy, tính đến thời điểm này toàn bộ hoạt động của ORS chỉ tập trung tại Hội sở chính ở địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kế hoạch phát triển

Với nhận định năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và ORS nói riêng, do đó ORS sẽ tiếp tục tập trung vào việc tái cơ cấu hoạt động của Công ty với phương châm bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro. Về hoạt động, ORS sẽ tập trung phát triển hoạt động môi giới thông qua tăng cường hỗ trợ nguồn vốn, gia tăng chất lượng tư vấn đầu tư, xây dựng hệ thống môi giới theo hướng chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp cũng được khuyến khích đẩy mạnh.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		602.842.151.897	1.279.842.901.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		455.951.917.086	1.115.907.015.971
Tiền	111	V.1	455.951.917.086	1.115.907.015.971
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	1.967.886.600	5.467.843.395
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.918.017.889	14.410.246.932
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(950.131.289)	(8.942.403.537)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	144.803.623.481	157.974.160.315
1. Phải thu khách hàng	131		12.022.053.528	6.144.063.800
2. Trả trước cho người bán	132		22.300.280	172.606.363
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		225.450.008	16.044.883
4. Các khoản phải thu khác	135		148.372.730.942	162.016.777.871
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.838.911.277)	(10.375.332.602)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.724.730	493.882.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.724.730	337.331.374
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		34.000.000	156.550.720
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.147.380.640	92.941.289.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.907.795.363	3.975.250.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	558.602.992	1.390.047.456
Nguyên giá	222		8.094.179.954	8.202.458.018
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.535.576.962)	(6.812.410.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	4.349.192.371	2.585.202.807
Nguyên giá	228		7.488.985.064	4.556.209.064
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.139.792.693)	(1.971.006.257)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.112.527.071	85.407.610.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		111.492.995.037	112.554.502.773
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		111.492.995.037	112.554.502.773
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(22.380.467.966)	(27.146.892.773)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.127.058.206	3.558.429.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	228.048.646	803.072.700
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.8	2.739.009.560	2.430.414.294
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9	160.000.000	324.942.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		699.989.532.537	1.372.784.191.432

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		502.340.035.059	1.175.501.152.201
I. Nợ ngắn hạn	310		502.340.035.059	1.175.412.534.183
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	18.208.294.194
2. Phải trả người bán	312		-	15.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		268.375.000	326.375.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	40.680.889	93.763.621
5. Phải trả người lao động	315		222.513.352	371.370.751
6. Chi phí phải trả	316	V.12	122.422.099	318.139.737
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	410.000.000.000	1.060.000.000.000
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.14	3.702.437.478	20.677.281
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.118	234.118
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.15	87.983.372.123	96.058.679.481
II. Nợ dài hạn	330		-	88.618.018
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	88.618.018
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.649.497.478	197.283.039.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	197.649.497.478	197.283.039.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lỗ lũy kế	420		(93.398.392.720)	(93.764.850.967)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		699.989.532.537	1.372.784.191.432

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký			775.907.980.000	901.820.050.000
<i>Trong đó:</i>				
Chứng khoán giao dịch			557.276.430.000	617.314.110.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			11.753.750.000	12.382.250.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			544.459.000.000	603.858.180.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1.063.680.000	1.073.680.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			218.631.550.000	284.505.940.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			152.314.230.000	3.725.520.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			66.317.320.000	280.780.420.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013



TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

(Có so sánh số liệu với năm 2011)

MẪU B 02-CTCK

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		20.289.670.245	129.380.352.411
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.940.880.061	6.000.841.322
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.713.897.527	7.132.983.580
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	603.664.209
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		656.439.727	771.513.416
- Doanh thu lưu ký chứng khoán			203.970.523	-
- Doanh thu khác	01.9		12.774.482.407	114.871.349.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		627.097	4.568.561
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.1	20.289.043.148	129.375.783.850
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	(291.580.409)	132.071.088.589
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		20.580.623.557	(2.695.304.739)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	20.362.875.352	30.060.297.731
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217.748.205	(32.755.602.470)
8. Thu nhập khác	31		150.110.931	123.389.282
9. Chi phí khác	32		1.400.889	21.012.109
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		148.710.042	102.377.173
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		366.458.247	(32.653.225.297)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.4	<u>366.458.247</u>	<u>(32.653.225.297)</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>15,27</u>	<u>(1,361)</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 03-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		366.458.247	(32.653.225.297)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.000.230.900	1.958.389.477
- Các khoản dự phòng	03		(7.295.118.380)	22.486.005.100
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(51.202.800)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.096.752.976)	(39.292.317.342)
- Chi phí lãi vay	06		586.180.052	96.094.438.800
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(14.439.002.157)	48.542.087.938
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		7.194.869.613	147.924.300.937
- Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11		(667.022.960.205)	1.004.822.234.694
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		827.630.698	588.658.341
- Tiền lãi vay đã trả	13		(915.005.302)	(85.515.559.276)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.513.035.891.032	7.334.684.116.239
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.500.145.942.125)	(7.377.701.536.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(661.464.518.446)	1.073.344.302.009
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.932.776.000)	(72.900.909)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			32.563.636	26.090.436
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(24.642.051.424)	(33.841.609.780)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		37.195.788.203	59.524.365.027
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.064.189.340	39.282.494.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.717.713.755	64.918.439.660
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.000.000.000	189.849.281.995
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.208.294.194)	(245.573.987.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.208.294.194)	(55.724.705.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(659.955.098.885)	1.082.538.035.863
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.115.907.015.971	33.368.980.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VL1	455.951.917.086	1.115.907.015.971

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013


(Signature)

TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

(Signature)

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

VII. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN



02 Huỳnh Khương Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

Số: 0082/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số dư tiền gửi của Công ty tại các Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã bao gồm 410.000.000.000 VND, là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch (*xem Thuyết minh số V.1*), số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (*xem Thuyết minh số V.13*). Khoản tiền này sẽ được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chuyển trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong khi ngân hàng TMCP Tiên Phong có yêu cầu bằng văn bản. Do vậy, Công ty chưa dự thu lãi và dự chi lãi liên quan đến số tiền này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, kết quả của sự kiện trên có thể sẽ thay đổi tình hình tài chính của Công ty.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2013



VŨ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 51 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011:78 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo	Ngày 31/12/2011:	20.828 VND/USD
	Ngày 31/12/2012:	20.812 VND/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”.

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài

chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VIII.2

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

10. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	2.559.719	1.814.225
Tiền mặt	2.559.719	1.814.225
(b) Tiền gửi ngân hàng	455.949.357.367	1.115.905.201.746
Tiền gửi của Công ty (*)	439.175.030.944	1.107.275.813.830
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	16.774.326.423	8.629.387.916
Cộng	455.951.917.086	1.115.907.015.971

(*) Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 410.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Của Công ty chứng khoán	2.090.800	19.722.420.000
Cổ phiếu	2.090.800	19.722.420.000
Của nhà đầu tư	108.227.102	1.022.005.151.600
Cổ phiếu	108.227.102	1.022.005.151.600
Cộng	110.317.902	1.041.727.571.600

3. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	234.867	501.537	2.918.017.889	14.410.246.932	(950.131.289)	(8.942.403.537)	1.967.886.600	5.467.843.395
Chứng khoán đầu tư	4.716.200	4.635.739	111.492.995.037	112.554.502.773	(22.380.467.966)	(27.146.892.773)	89.112.527.071	85.407.610.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.716.200	4.635.739	111.492.995.037	112.554.502.773	(22.380.467.966)	(27.146.892.773)	89.112.527.071	85.407.610.000
Cộng	4.951.067	5.137.276	114.411.012.926	126.964.749.705	(23.330.599.255)	(36.089.296.310)	91.080.413.671	90.875.453.395

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Số dự phòng đã lập
		Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1	Phải thu khách hàng	6.144.063.800	-	7.335.043.059	1.457.053.331	12.022.053.528	-	-
2	Trả trước cho người bán	172.606.363	-	1.529.339.599	1.679.645.682	22.300.280	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.044.883	-	2.439.420.492	2.230.015.367	225.450.008	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>16.044.883</i>	<i>-</i>	<i>2.439.420.492</i>	<i>2.230.015.367</i>	<i>225.450.008</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	538.940.337	538.940.337	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	162.016.777.871	34.584.442.006	(10.375.332.602)	202.955.009.684	216.599.056.613	148.372.730.942	46.433.635.948
Cộng		168.349.492.917	34.584.442.006	10.375.332.602	214.797.753.171	222.504.711.330	160.642.534.758	46.433.635.948
								15.838.911.277

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.948.262.382	1.158.247.636	29.688.000	8.202.458.018
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	108.278.064	-	-	108.278.064
4. Số cuối năm	66.260.000	6.839.984.318	1.158.247.636	29.688.000	8.094.179.954
II. Giá Trị Hao Mòn					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.121.641.683	594.820.879	29.688.000	6.812.410.562
2. Tăng trong năm	-	686.679.980	144.764.484	-	831.444.464
3. Giảm trong năm	-	108.278.064	-	-	108.278.064
4. Số cuối năm	66.260.000	6.700.043.599	739.585.363	29.688.000	7.535.576.962
III. Giá Trị còn lại					
1. Số đầu năm	-	826.620.699	563.426.757	-	1.390.047.456
2. Số cuối năm	-	139.940.719	418.662.273	-	558.602.992
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	50.000.000	2.780.855.272	-	29.688.000	2.860.543.272
2. Số cuối năm	66.260.000	5.461.190.286	-	29.688.000	5.557.138.286

6. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm giao dịch, kế toán
I. Nguyên Giá	
1. Số đầu năm	4.556.209.064
2. Tăng trong năm	2.932.776.000
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	7.488.985.064
II. Giá Trị Hao Mòn	
1. Số đầu năm	1.971.006.257
2. Tăng trong năm	1.168.786.436
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	3.139.792.693
III. Giá Trị còn lại	
1. Số đầu năm	2.585.202.807
2. Số cuối năm	4.349.192.371
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	
1. Số đầu năm	30.000.000
2. Số cuối năm	1.014.689.550

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	327.037.660	-	289.332.444	37.705.216
Chi phí khác	476.035.040	217.454.549	503.146.159	190.343.430
Cộng	803.072.700	217.454.549	792.478.603	228.048.646

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.405.654.663	2.240.777.202
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	213.354.897	69.637.092
Cộng	2.739.009.560	2.430.414.294

9. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	160.000.000	324.942.400
Cộng	160.000.000	324.942.400

10. Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	Lãi suất	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	19%	16.500.000.000	10.000.000.000	26.500.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	17% - 19%	1.708.294.194	-	1.708.294.194	-
Cộng		18.208.294.194	10.000.000.000	28.208.294.194	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	3.839.676	43.596.659	43.163.335	4.273.000
2	Các loại thuế khác	89.923.945	778.734.471	832.250.527	36.407.889
	- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	89.923.945	772.734.471	826.250.527	36.407.889
	Cộng	93.763.621	822.331.130	875.413.862	40.680.889

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí lưu kí, giao dịch phải trả ủy ban	53.003.663	73.488.050
Chi phí thuê nhà	-	124.135.272
Chi phí hoa hồng, môi giới	-	15.163.356
Chi phí khác	69.418.436	105.353.059
Cộng	122.422.099	318.139.737

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	410.000.000.000	1.060.000.000.000
Cộng	410.000.000.000	1.060.000.000.000

(*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương và đang tạm ngừng giao dịch (*xem Thuyết minh số V.1*). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

14. Phải trả hộ cổ tức

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.702.437.478	1.164.781
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	19.512.500
Cộng	3.702.437.478	20.677.281

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>5.308.474</i>	-
<i>Bảo hiểm y tế</i>	-	<i>4.193.950</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	<i>174.801</i>
Các khoản phải trả khác	62.586.477.226	83.061.686.814
Phải trả lãi vay vốn	11.094.978.107	11.409.803.357
Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư	-	14.000.000
Phải trả vốn cho các Công ty	50.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.491.499.119	1.637.883.457
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	<i>25.391.586.423</i>	<i>12.992.623.916</i>
Cộng	87.983.372.123	96.058.679.481

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(93.764.850.967)	197.283.039.231
Lũ trong năm	-	-	-	366.458.247	366.458.247
Số cuối năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(93.398.392.720)	197.649.497.478

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.940.880.061	6.000.841.322
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.713.897.527	7.132.983.580
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	603.664.209
Doanh thu lưu ký chứng khoán	203.970.523	-
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	656.439.727	771.513.416
Doanh thu khác	12.774.482.407	114.871.349.884
Cộng	<u>20.289.670.245</u>	<u>129.380.352.411</u>
Khoản giảm trừ doanh thu	(627.097)	(4.568.561)
Doanh thu thuần	<u>20.289.043.148</u>	<u>129.375.783.850</u>

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.962.109.476	7.471.722.515
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.345.625.702	15.216.796.689
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	21.818.182	299.711.385
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	541.353.604	721.151.314
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(12.758.697.055)	12.110.672.498
Chi phí khác	596.209.682	96.251.034.188
Cộng	<u>(291.580.409)</u>	<u>132.071.088.589</u>

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.526.621.300	7.226.816.560
Chi phí vật liệu quản lý	47.818.328	125.811.943
Chi phí đồ dùng văn phòng	692.312.527	861.114.262
Chi phí khấu hao	2.000.230.900	1.960.681.090
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	8.500.000
Chi phí dự phòng	5.463.578.675	10.375.332.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.740.300.157	7.314.960.776
Chi phí bằng tiền khác	886.013.465	2.187.080.498
Cộng	20.362.875.352	30.060.297.731

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế	366.458.247	(32.653.225.297)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	366.458.247	(32.653.225.297)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15,27	(1.361)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	16.774.326.423	8.629.387.916

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Ban Quản lý điều hành của Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng	1.245.505.775	1.596.135.814

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	439.177.590,663	1.107.277.628,055	-	-	439.177.590,663	1.107.277.628,055
Đầu tư ngắn hạn	2.918.017,889	14.410.246,932	(950.131,289)	(8.942.403,537)	1.967.886,600	5.467.843,395
Phải thu khách hàng	12.022.053,528	6.144.063,800	-	-	12.022.053,528	6.144.063,800
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450,008	16.044,883	-	-	225.450,008	16.044,883
Các khoản phải thu khác	148.372.730,942	162.016.777,871	(15.838,911,277)	(10.375,532,602)	132.533,819,665	151.641,445,269
Đầu tư dài hạn	111.492.995,037	112.554,502,773	(22.380,467,966)	(27.146,892,773)	89.112,527,071	85.407,610,000
Ký quỹ dài hạn	160.000,000	324,942,400	-	-	160.000,000	324,942,400
Cộng	714.368.838,067	1.402.744.206,714	(39.169,510,532)	(46.464,628,912)	675.199,327,535	1.356.279,577,802
Nợ phải trả tài chính (*)						
Vay và nợ	-	18.208,294,194	-	-	-	18.208,294,194
Phải trả cho người bán	-	15,000,000	-	-	-	15,000,000
Chi phí phải trả	122,422,099	318,139,737	-	-	122,422,099	318,139,737
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	410,000,000,000	1,060,000,000,000	-	-	410,000,000,000	1,060,000,000,000
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3,702,437,478	20,677,281	-	-	3,702,437,478	20,677,281
Các khoản phải trả khác	87,983,372,123	96,058,679,481	-	-	87,983,372,123	96,058,679,481
Cộng	501.808.231,700	1.174.620.790,693	-	-	501.808.231,700	1.174.620.790,693

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sáng sàng để bán.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám Đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan quan trọng trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và cung cấp dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát hành từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Hội Đồng Đầu Tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ,..) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách

hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	122.422.099	-	-	122.422.099
Các khoản phải trả khác	26.888.394.016	61.094.978.107	-	87.983.372.123
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	410.000.000.000	-	410.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.702.437.478	-	-	3.702.437.478
Cộng	30.713.253.593	471.094.978.107	-	501.808.231.700

Số đầu năm

Vay và nợ	18.208.294.194	-	-	18.208.294.194
Phải trả cho người bán	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi phí phải trả	318.139.737	-	-	318.139.737
Các khoản phải trả khác	34.648.876.124	61.409.803.357	-	96.058.679.481
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.060.000.000.000	-	1.060.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.677.281	-	-	20.677.281
Cộng	53.210.987.336	1.121.409.803.357	-	1.174.620.790.693

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám Đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	455.951.917.086	-	-	455.951.917.086
Đầu tư ngắn hạn	1.967.886.600	-	-	1.967.886.600
Phải thu khách hàng	12.022.053.528	-	-	12.022.053.528
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450.008	-	-	225.450.008
Các khoản phải thu khác	101.939.094.994	46.433.635.948	-	148.372.730.942
Đầu tư dài hạn	-	89.112.527.071	-	89.112.527.071
Ký quỹ dài hạn	-	160.000.000	-	160.000.000
Cộng	572.106.402.216	135.706.163.019	-	707.812.565.235

Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.115.907.015.971		
Đầu tư ngắn hạn	5.467.843.395	-	- 1.115.907.015.971
Phải thu khách hàng	6.144.063.800	-	- 5.467.843.395
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.044.883	-	- 6.144.063.800
Các khoản phải thu khác	127.432.335.865	34.584.442.006	- 16.044.883
Đầu tư dài hạn	-	112.554.502.773	- 127.432.335.865
Ký quỹ dài hạn	-	324.942.400	- 112.554.502.773
Cộng	1.254.967.303.914	147.463.887.179	- 1.402.431.191.093



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ đông thuộc sở hữu nhà nước:

Tên cổ đông	Tổng Công ty Bến Thành
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước	1.800.000 cổ phần

Cổ đông là tổ chức góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán:

Stt	Tên giao dịch	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	45 Lê Duẩn Q1 TP.HCM	11.00%
2	Tổng công ty Bến Thành (Benthanh Group)	71-79 Đồng Khởi Q1, TP.HCM	7.50%
3	Công ty CP Dịch vụ Tổng Hợp Sài Gòn	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP.HCM	10.00%